

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100111	Lê Trần Quốc Cơ	30/12/2003		8,0	Tam	C23QT4	
2	2110100128	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/03/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
3	2110100137	Nguyễn Trọng Linh	06/02/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
4	2110100133	Lê Thị Kim Ngân	09/08/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
5	2110100125	Trần Thảo Ngân	28/03/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
6	2110100115	Võ Thị Kim Ngân	24/06/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT4	
7	2110100215	Cao Thị Hoài Nhi	19/10/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
8	2110100123	Võ Hoàng Kim Nhi	23/02/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
9	2110100127	Trần Hạo Nhiên	26/09/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
10	2110100112	Lê Thị Huỳnh Như	27/06/2001		8,5	Tám, năm	C23QT4	
11	2110100113	Nguyễn Thụy Hoàng Oanh	12/07/2003		8,0	Tám	C23QT4	
12	2110100135	Huỳnh Thế Phát	19/01/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
13	2110100119	Vương Thị Bích Phụng	01/03/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
14	2110100118	Nguyễn Đào Hồng Phượng	30/03/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
15	2110010046	Lâm Chí Thành	08/05/2003		7,3	Bảy, ba	C23QT4	
16	2110100131	Trương Đình Thiên	25/07/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
17	2110100124	Nguyễn Phạm Thu Trang	25/06/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT4	
18	2110100117	Trương Ngọc Bảo Trân	21/08/2002		7,0	Bảy	C23QT4	
19	2110100132	Trần Diễm Trinh	17/08/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
20	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	23/11/2003		9,0	Chín	C23QT4	
21	2110100134	Trần Ngọc Thảo Vi	06/02/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
22	2110100152	Ngô Thị Thảo Vy	12/11/2003		8,0	Tám	C23QT4	
23	2110100126	Trịnh Thu Trường Vy	04/12/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
24	2110100116	Nguyễn Thị Như Ý	28/01/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 0. Số bài thi: 24 / 24.Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / _____Tỷ lệ đạt: 100, _____ %Ngày: 30 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 14 tháng 5 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100111	Lê Trần Quốc	30/12/2003		9,0	Chín	C23QT4	
2	2110100128	Nguyễn Thị Hồng	10/03/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
3	2110100137	Nguyễn Trọng	06/02/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
4	2110100133	Lê Thị Kim	09/08/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
5	2110100125	Trần Thảo	28/03/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
6	2110100115	Võ Thị Kim	24/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
7	2110100215	Cao Thị Hoài	19/10/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
8	2110100123	Võ Hoàng Kim	23/02/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
9	2110100127	Trần Hạo	26/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
10	2110100112	Lê Thị Huỳnh	27/06/2001		7,0	Bảy	C23QT4	
11	2110100113	Nguyễn Thụy Hoàng	12/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
12	2110100135	Huỳnh Thế	19/01/2003		5,5	Năm, năm	C23QT4	
13	2110100119	Vương Thị Bích	01/03/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
14	2110100118	Nguyễn Đào Hồng	30/03/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
15	2110010046	Lâm Chí	08/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
16	2110100131	Trương Đình	25/07/2003		6,0	Sáu	C23QT4	
17	2110100124	Nguyễn Phạm Thu	25/06/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
18	2110100117	Trương Ngọc Bảo	21/08/2002		6,0	Sáu	C23QT4	
19	2110100132	Trần Diễm	17/08/2003		5,5	Năm, năm	C23QT4	
20	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc	23/11/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT4	
21	2110100134	Trần Ngọc Thảo	06/02/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT4	
22	2110100152	Ngô Thị Thảo	12/11/2003		5,5	Năm, năm	C23QT4	
23	2110100126	Trịnh Thu Trường	04/12/2003		7,0	Bảy	C23QT4	
24	2110100116	Nguyễn Thị Như	28/01/2003		8,0	Tám	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 24 vắng thi: 0 . Số bài thi: 24 / 24 .Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / _____Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003	An	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003	Ma	8,5	Tám, năm	C23QT5	
3	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003	Khath	9,3	Chín, ba	C23QT5	
4	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003	Du	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
5	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003	Xanh	9,5	Chín, năm	C23QT5	
6	2110100213	Huỳnh Công Hậu	08/11/2002	Hau	7,3	Bảy, ba	C23QT5	
7	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003	Huyen	9,0	Chín	C23QT5	
8	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001	Khoea	8,8	Tám, tám	C23QT5	
9	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003	Phu	8,0	Tám	C23QT5	
10	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003	Nh	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
11	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT5	
12	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003	Nhien	9,5	Chín, năm	C23QT5	
13	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003	Anh	8,0	Tám	C23QT5	
14	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003	Nuong	9,5	Chín, năm	C23QT5	
15	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003	Qu	6,5	Sáu, năm	C23QT5	
16	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003	Quy	7,8	Bảy, tám	C23QT5	
17	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003	Tam	8,5	Tám, năm	C23QT5	
18	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003	Ph	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
19	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002	Thi	9,5	Chín, năm	C23QT5	
20	2110100173	Trần Quốc Thoán	10/10/2003	Thuan	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
21	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003	Thu	7,8	Bảy, tám	C23QT5	
22	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003	Tien	7,3	Bảy, ba	C23QT5	
23	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003	Tien	7,0	Bảy	C23QT5	
24	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003	Tien	9,0	Chín	C23QT5	
25	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003	Tien	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
26	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003	Trang	7,8	Bảy, tám	C23QT5	
27	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003	Tuyen	8,5	Tám, năm	C23QT5	
28	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003	Tung	7,3	Bảy, ba	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 0 . Số bài thi: 28 / 28 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003	An	6,0	Sau	C23QT5	
2	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003	Ma	6,0	Sau	C23QT5	
3	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003	lcham	5,5	Năm, năm	C23QT5	
4	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003	Du	6,0	Sau	C23QT5	
5	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003	Hang	8,0	Tam	C23QT5	
6	2110100213	Huỳnh Công Hậu	08/11/2002	Hu	6,0	Sau	C23QT5	
7	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003	huyen	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
8	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001	lchao	5,5	Năm, năm	C23QT5	
9	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003	Ph	6,5	Sau, năm	C23QT5	
10	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003	MV	6,0	Sau	C23QT5	
11	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT5	
12	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003	Nhiên	8,5	Tám, năm	C23QT5	
13	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003	Onhu	7,0	Bảy	C23QT5	
14	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003	Thuy	6,0	Sau	C23QT5	
15	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003	Qu	5,5	Năm, năm	C23QT5	
16	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003	Quy	6,5	Sau, năm	C23QT5	
17	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003	Tam	6,0	Sau	C23QT5	
18	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003	Ph	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
19	2110100141	Lê Nguyễn Anh Thi	16/08/2002	Th	5,5	Năm, năm	C23QT5	
20	2110100173	Trần Quốc Thoán	10/10/2003	Thuan	6,0	Sau	C23QT5	
21	2110100150	Nguyễn Thị Minh Thư	31/03/2003	Th	6,5	Sau, năm	C23QT5	
22	2110100144	Bùi Thị Thủy Tiên	30/05/2003	Ph	5,5	Năm, năm	C23QT5	
23	2110100163	Kim Thị Kiều Tiên	08/09/2003	Ph	4,5	Bốn, năm	C23QT5	
24	2110100156	Trần Thị Thủy Tiên	01/11/2003	Thuy	8,0	Tám	C23QT5	
25	2110100170	Đỗ Phương Tiến	16/01/2003	Phu	7,5	Bảy, năm	C23QT5	
26	2110100153	Nguyễn Thùy Trang	16/01/2003	Tru	5,5	Năm, năm	C23QT5	
27	2110100211	Trương Thị Kim Tuyền	19/09/2003	Ph	6,5	Sau, năm	C23QT5	
28	2110100157	Nguyễn Xuân Tùng	01/08/2003	Tung	5,0	Năm	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 0 . Số bài thi: 28 / 28

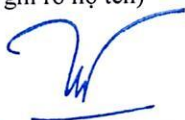
Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / 0

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 17 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Phương Bình

TRƯỜNG CĐ BC

PH:
KHẢO THÍ



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003		7,0	Bảy	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003		8,5	Tám, năm	C23QT6	
3	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001		8,3	Tám, ba	C23QT6	
4	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002		6,8	Sáu, tám	C23QT6	
5	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003		7,8	Bảy, tám	C23QT6	
6	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/06/2003		9,3	Chín, ba	C23QT6	
7	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003		9,5	Chín, năm	C23QT6	
8	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002				C23QT6	
9	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
10	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
11	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003		8,0	Tám	C23QT6	
12	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
13	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003		9,5	Chín, năm	C23QT6	
14	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003		8,5	Tám, năm	C23QT6	
15	2110100185	Phạm Hoàng Phúc	17/08/2003				C23QT6	
16	2110100205	Trần Việt Sang	05/11/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
17	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
18	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
19	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		8,5	Tám, năm	C23QT6	
20	2110100178	Bơ Nah Ria Prong Tuệ	02/04/2003		9,0	Chín	C23QT6	
21	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	15/02/2003		9,5	Chín, năm	C23QT6	
22	2110100214	Nguyễn Văn Vinh	07/05/2003		9,5	Chín, năm	C23QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 02 . Số bài thi: 20 / 22 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 02 / 22

Tỷ lệ đạt: 91 , %

Ngày: 30 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003		5,5	Năm, năm	C23QT6	
2	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003		6,0	Sáu	C23QT6	
3	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001		8,0	Tám	C23QT6	
4	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
5	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003		6,0	Sáu	C23QT6	
6	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/06/2003		7,0	Bảy	C23QT6	
7	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003		6,0	Sáu	C23QT6	
8	2110100179	Phan Thanh Hoàng	15/10/2002				C23QT6	
9	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003		7,0	Bảy	C23QT6	
10	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003		6,0	Sáu	C23QT6	
11	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003		5,5	Năm, năm	C23QT6	
12	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
13	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003		8,0	Tám	C23QT6	
14	2110100197	Nguyễn Vũ Nhật	25/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
15	2110100185	Phạm Hoàng Phúc	17/08/2003				C23QT6	
16	2110100205	Trần Viết Sang	05/11/2003		5,0	Năm	C23QT6	
17	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		5,0	Năm	C23QT6	
18	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		5,5	Năm, năm	C23QT6	
19	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23QT6	
20	2110100178	Bơ Nah Ria Prong Tuệ	02/04/2003		7,5	Bảy, năm	C23QT6	
21	2110100200	Phan Thạch Hồng Vân	15/02/2003		8,5	Tám, năm	C23QT6	
22	2110100214	Nguyễn Văn Vinh	07/05/2003		8,0	Tám	C23QT6	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 20 vắng thi: 02. Số bài thi: 20 / 22.

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: 91, _____ %

Ngày 20 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100140	Nguyễn Thị Như Ý	05/08/2003		8,5	Tam, năm	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / 01 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày 10 tháng 6 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100140	Nguyễn Thị Như Ý	05/08/2003		9,0	Chín	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày: 09 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003		8,3	Tám ba	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00. Số bài thi: 01 / _____.

Số sinh viên đạt/không đạt: 00 / _____

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày: 21 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Lê Phương Bình

PHÒNG
KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003		7,5	Bảy năm	C23QT5	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 00Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %Ngày 21 tháng 7 năm 2022.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

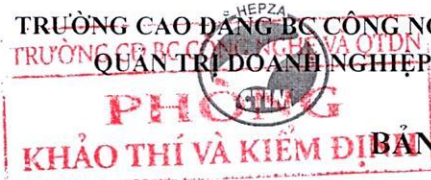
ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100121	Nguyễn Thị Như Hào	18/09/2003		7,3	Bảy, ba	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đồng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 00 . Số bài thi: 01 / _____.Số sinh viên đạt/không đạt: 00 / _____Tỷ lệ đạt: 100, _____ %Ngày 14 tháng 7 năm 2022.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022.

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100121	Nguyễn Thị Như Hảo	18/09/2003		7,0	Bảy	C23QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 0 . Số bài thi: 01 / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: 0 / _____

Tỷ lệ đạt: 100 , _____ %

Ngày 14 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 14 tháng 6 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Giám thị 1: GV Long Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: CL Sơn Ký tên: [Signature]

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 15/07/2022

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.8

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Thi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100141	Lê Nguyễn Anh	Thi	16/08/2002	<u>[Signature]</u>	01	6,5	Sau, năm	C23QT5	
2	2110100131	Trương Đình	Thiên	25/07/2003	<u>[Signature]</u>	01	4,0	Bon	C23QT4	
3	2110100173	Trần Quốc	Thoán	10/10/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT5	
4	2110100150	Nguyễn Thị Minh	Thư	31/03/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT5	
5	2110100144	Bùi Thị Thủy	Tiên	30/05/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT5	
6	2110100163	Kim Thị Kiều	Tiên	08/09/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT5	
7	2110100156	Trần Thị Thủy	Tiên	01/11/2003	<u>[Signature]</u>	01	6,5	Sau, năm	C23QT5	
8	2110100170	Đỗ Phương	Tiến	16/01/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,5	Nam, nam	C23QT5	
9	2110100124	Nguyễn Phạm Thu	Trang	25/06/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT4	
10	2110100153	Nguyễn Thùy	Trang	16/01/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,0	Nam	C23QT5	
11	2110100117	Trương Ngọc Bảo	Trần	21/08/2002	<u>[Signature]</u>	01	4,0	Bon	C23QT4	
12	2110100132	Trần Diễm	Trinh	17/08/2003	<u>[Signature]</u>	01	7,5	Bay, năm	C23QT4	
13	2110100178	Bơ Nah Rĩa Prong	Tuệ	02/04/2003	<u>[Signature]</u>	02	6,0	Sau	C23QT6	
14	2110100122	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	23/11/2003	<u>[Signature]</u>	01	7,0	Bay	C23QT4	
15	2110100211	Trương Thị Kim	Tuyền	19/09/2003	<u>[Signature]</u>	01	6,0	Sau	C23QT5	
16	2110100157	Nguyễn Xuân	Tùng	01/08/2003	<u>[Signature]</u>	01	7,0	Bay	C23QT5	
17	2110100200	Phan Thạch Hồng	Vân	15/02/2003	<u>[Signature]</u>	02	8,05	Tam, năm	C23QT6	
18	2110100134	Trần Ngọc Thảo	Vi	06/02/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,5	Nam, nam	C23QT4	
19	2110100214	Nguyễn Văn	Vinh	07/05/2003	<u>[Signature]</u>	01	7,5	Bay, năm	C23QT6	
20	2110100152	Ngô Thị Thảo	Vy	12/11/2003	<u>[Signature]</u>	01	5,5	Nam, nam	C23QT4	
21	2110100126	Trịnh Thu Trường	Vy	04/12/2003	<u>[Signature]</u>	01	6,5	Sau, năm	C23QT4	
22	2110100116	Nguyễn Thị Như	Ý	28/01/2003	<u>[Signature]</u>	01	6,5	Sau, năm	C23QT4	
23	2110100140	Nguyễn Thị Như	Ý	05/08/2003	<u>[Signature]</u>	01	7,0	Bay	C23QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 23 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 23 / 23

Số sinh viên đạt: 23 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 21 tháng 7 năm 2022.
TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)



ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 tháng 7 năm 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)





BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình

Ngày thi: 15/07/2022

Giờ thi: 09h30

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: N.T.N. Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ng. Văn Thil Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: T.T. Nguyễn Ký tên: [Signature]

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100158	Huỳnh Thị Thu An	29/10/2003	<u>An</u>	1	4,0	Bon'	C23QT5	
2	2110100208	Nguyễn Thị Tân Anh	10/03/2003	<u>Tan</u>	1	5,5	Nam, nam	C23QT6	
3	2110100210	Phan Thị Mai Anh	07/07/2003	<u>Ai</u>	1	4,5	Bon', nam	C23QT5	
4	2110100198	Phạm Gia Bảo	15/07/2003	<u>Bao</u>	1	5,5	Nam, nam	C23QT6	
5	2110100111	Lê Trần Quốc Cơ	30/12/2003	<u>Cu</u>	1	5,5	Nam, nam	C23QT4	
6	2110100194	Phạm Thị Thùy Dung	23/09/2001	<u>Duy</u>	02	9,0	chin'	C23QT6	
7	2110100175	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	05/07/2003	<u>Khánh</u>	01	8,0	Sam'	C23QT5	
8	2110100188	Nguyễn Thị Kim Duyên	07/06/2002	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>		C23QT6	<u>✓</u>
9	2110100149	Đỗ Thị Anh Đào	03/04/2003	<u>Dau</u>	1	6,0	Sau'	C23QT5	
10	2110100192	Hồng Gia Đức	06/11/2003	<u>Deu</u>		5,0	Nam	C23QT6	
11	2110100204	Phạm Nguyễn Tuyền Giang	01/06/2003	<u>Giang</u>	1	6,0	Sau'	C23QT6	
12	2110100199	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	07/11/2003	<u>Nghe</u>	3	8,0	Tam'	C23QT6	
13	2110100128	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/03/2003	<u>Hanh</u>	1	6,5	Sau', nam	C23QT4	
14	2110100169	Phan Ngọc Hằng	20/07/2003	<u>Hang</u>	1	6,0	Sau'	C23QT5	
15	2110100213	Huỳnh Công Hậu	08/11/2002	<u>Hau</u>	1	5,5	Nam, nam	C23QT5	
16	2110100161	Võ Thị Cẩm Huyền	24/05/2003	<u>Huyen</u>	2	9,0	chin'	C23QT5	
17	2110100202	Trần Thị Trúc Huỳnh	04/08/2003	<u>✓</u>	<u>✓</u>	<u>✓</u>		C23QT6	<u>✓</u>
18	2110100187	Nguyễn Ngọc Lan Hương	04/04/2003	<u>Huong</u>	1	6,0	Sau'	C23QT6	
19	2110100171	Nguyễn Đăng Khoa	27/05/2001	<u>Khoa</u>	1	6,0	Sau'	C23QT5	
20	2110100155	Đặng Thị Phương Lam	30/09/2003	<u>Lam</u>	1	5,5	Nam, nam	C23QT5	
21	2110100193	Nguyễn Khánh Linh	18/06/2003	<u>Linh</u>	2	6,5	Sau', nam	C23QT6	
22	2110100137	Nguyễn Trọng Linh	06/02/2003	<u>Linh</u>	1	6,0	Sau'	C23QT4	
23	2110040052	Cao Tấn Lộc	15/05/2003	<u>Loc</u>	1	6,0	Sau'	C23QT6	
24	2110100160	Nguyễn Văn Minh	16/05/2003	<u>Minh</u>	1	6,0	Sau'	C23QT5	
25	2110100166	Huỳnh Lê Hoài Nam	19/09/2003	<u>Nam</u>	1	6,5	Sau', nam	C23QT5	
26	2110100133	Lê Thị Kim Ngân	09/08/2003	<u>Ngan</u>	1	7,0	Bay'	C23QT4	
27	2110100125	Trần Thảo Ngân	28/03/2003	<u>Ngan</u>	1	7,5	Bay', nam	C23QT4	
28	2110100115	Võ Thị Kim Ngân	24/06/2003	<u>Ngan</u>	1	8,5	Tam', nam	C23QT4	
29	2110100215	Cao Thị Hoài Nhi	19/10/2003	<u>Nhi</u>	1	6,0	Sau'	C23QT4	
30	2110100181	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	04/08/2003	<u>Nhi</u>	1	7,5	Bay', nam	C23QT6	
31	2110100123	Võ Hoàng Kim Nhi	23/02/2003	<u>Nhi</u>	1	6,0	Sau'	C23QT4	
32	2110100176	Lê Thị Hoài Nhiên	12/09/2003	<u>Nhien</u>	2	8,5	Tam', nam	C23QT5	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2110100127	Trần Hạo Nhiên	26/09/2003		1	6,0	Sau'	C23QT4	
34	2110100174	Đỗ Thị Quỳnh Như	05/08/2003		1	5,5	Năm, năm	C23QT5	
35	2110100112	Lê Thị Huỳnh Như	27/06/2001		1	6,0	Sau'	C23QT4	
36	2110100197	Nguyễn Vũ Nhựt	25/06/2003		1	6,0		C23QT6	
37	2110100172	Nguyễn Thị Kiều Nương	21/10/2003		1	6,5	Sau, năm	C23QT5	
38	2110100113	Nguyễn Thụy Hoàng Oanh	12/07/2003		1	6,0	Sau,	C23QT4	
39	2110100135	Huỳnh Thế Phát	19/01/2003		1	6,0	Sau'	C23QT4	
40	2110100119	Vương Thị Bích Phụng	01/03/2003		1	4,0	Bên'	C23QT4	
41	2110100118	Nguyễn Đào Hồng Phụng	30/03/2003		1	7,0	Bay'	C23QT4	
42	2110100167	Dương Tiến Quý	08/02/2003		1	6,5	Sau, năm	C23QT5	
43	2110100145	Võ Quốc Quy	03/05/2003		1	5,5	Năm, năm	C23QT5	
44	2110100205	Trần Việt Sang	05/11/2003		1	5,5	Năm, năm	C23QT6	
45	2110100143	Nguyễn Thị Yến Tâm	03/02/2003		2	6,0	Sau,	C23QT5	
46	2110100207	Đặng Thị Phương Thanh	12/10/2003		2	6,0	Sau	C23QT6	
47	2110010046	Lâm Chí Thành	08/05/2003		1	5,5	Năm, năm	C23QT4	
48	2110100147	Lê Minh Thành	02/04/2003		1	6,5	Sau, năm	C23QT5	
49	2110100183	Nguyễn Thanh Thảo	14/01/2003		2	6,5	Sau, năm	C23QT6	
50	2110100186	Lê Thị Hồng Thắm	18/10/2003		1	8,0	Tam'	C23QT6	

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

PHÒNG: KHẢO THI

TRƯỜNG: CB

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 48 vắng thi: 03 Số bài thi/Số tờ: 48 / 56

Số sinh viên đạt: 47 Tỷ lệ đạt: %

Ngày 21 tháng 7 năm 2022

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 19 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 3 - Năm học : 2021-2022

Môn học : Soạn thảo văn bản - MH1104233

Mã lớp học phần: MH110423302

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Lê Phương Bình - (04092)

Ngày thi: 15.07.22 Giờ thi: 9h30 Phòng thi: A1.8

Giám thị 1: G V Long Ký tên: GV Long

Giám thị 2: CL Sơn Ký tên: CL Sơn

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110100121	Nguyễn Thị Như Hào	18/09/2003	<u>7.0</u>	<u>01</u>	<u>5.0</u>	<u>Nam</u>	C23QT4	
2	2110100164	Nguyễn Minh Nhân	05/07/2003					C23QT5	<u>15</u>

Lưu ý: sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 01 vắng thi: 01 . Số bài thi/Số tờ: 01 / 02 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 01 / 01

Tỷ lệ đạt: 50 , %

Ngày: 15 tháng 7 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 15 tháng 7 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Lê Phương Bình